TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **39**/2024/QĐCNTTLH	*Yên Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nông Thị H, sinh năm 1994 và anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1986

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện nhận ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 17, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Chị Nông Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 17, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

- Người bị kiện: Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị Huệ và anh Vũ Ngọc H.

- Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Vũ Ngọc H xác định có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Khánh D, sinh ngày 22/02/2013, cháu Vũ Ngọc T, sinh ngày 18/11/2015 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 26/7/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh H. Khi ly hôn chị H và anh H tự thỏa thuận thống nhất giao cả 03 cháu cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu D, cháu T và cháu T, mỗi cháu 500.000 đồng/1 tháng/1 cháu, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu D, cháu T, cháu T đủ 18 tuổi. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và anh Vũ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nông Thị H chậm cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Nông Thị H và anh Vũ Ngọc H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nông Thị H và anh Vũ Ngọc H xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y ;
- UBND xã Đ;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Toàn